

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HS-ST

Ngày 27-02-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Luận

Bà Lê Thị Lý

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Huy Hiệp - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Xuân Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2023/TLST-HS ngày 18/01/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2023/QĐXXST- HS ngày 15/02/2022 đối với các bị cáo:

1. Đinh Thị P, sinh năm 1986, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: thôn Tân , xã Ninh , huyện H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: kinh doanh đá mỹ nghệ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Dương Văn H và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Dương Văn H, sinh năm 1985, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: thôn Tân , xã Ninh , huyện H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: kinh doanh đá mỹ nghệ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn H và bà Hồ Thị H; có vợ là Đinh Thị P và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không; lịch sử bản thân: Ngày 25/11/2004, bị TAND huyện Hoa Lư xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng 14 ngày về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 28/12/2012, bị TAND huyện Hoa Lư xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 13/11/2007 bị Công an huyện H phạt tiền 300.000 về hành vi cố ý gây

thương tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Đình Lân, sinh năm 1986, trú tại: thôn Tân Dương I, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.
2. Anh Phạm Ngọc Tới, sinh năm 1987, trú tại: thôn Chấn Lư, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.
3. Anh Nguyễn Đình Chương, sinh năm 1995, trú tại: thôn Hệ, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.
4. Anh Nguyễn Văn Linh, sinh năm 1987, trú tại: thôn Hệ, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.
5. Anh Lương Thế Vinh, sinh năm 1996, trú tại: thôn Tân Dương 1, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.
6. Anh Đinh Văn Xùng, sinh năm 1986, trú tại: thôn Dương Hạ, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Thị P, Dương Văn H là vợ chồng, cùng kinh doanh đá mỹ nghệ tại xã Ninh, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Thấy một số người quen biết có nhu cầu vay tiền để làm ăn nên P đã bàn với H và được H đồng ý về việc dùng tiền tiết kiệm chung của hai vợ chồng để cho vay với lãi suất cao. P sử dụng tài khoản Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương (Vietcombank) số 0221000046600 và Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (OCB) số 01611100001916003 của mình để giao dịch cho vay và thu tiền lãi. P có trách nhiệm đưa tiền cho người vay và thu tiền lãi, gốc về. Khi người vay chậm trả, H có trách nhiệm đôn đốc người vay trả lãi và gốc. Khi cho vay, vợ chồng P không cần người vay viết giấy vay tiền, không cần tài sản thế chấp. Trường hợp người vay liên hệ với H để vay tiền hoặc trả tiền lãi thì H thông báo cho P để P giao tiền, thu tiền; trường hợp người vay liên hệ với P thì P báo lại cho H biết. Tiền lãi thu được, P và H sử dụng chung vào việc chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. P, H quy ước với người vay một tháng là 30 ngày, hạn trả lãi hàng tháng trùng với ngày vay của tháng tiếp theo.

Từ đầu năm 2020 đến ngày 06/9/2022, cả hai đã cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Đình Lân, anh Phạm Ngọc Tới, anh Nguyễn Đình Chương, anh Nguyễn Văn Linh, anh Lương Thế

Vinh, anh Đinh Văn Xùng vay tiền với lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày tương đương với mức lãi suất từ 109,5 %/năm đến 182,5 %/năm (gấp từ 5,48 đến 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự), thu lợi bất chính với tổng số tiền là 528.788.014 đồng. Cụ thể như sau:

Đối với anh Nguyễn Đình Lân:

- **Lần thứ nhất:** Ngày 10/02/2021, Nguyễn Đình Lân đã vay của vợ chồng P, H số tiền 100.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Vợ chồng P, H đã thu tiền lãi đến ngày 10/5/2021 là 45.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định của pháp luật cho phép là 4.931.507 đồng; thu lợi bất chính từ khoản cho vay này là 40.068.493 đồng. Số tiền gốc, anh L chưa trả cho vợ chồng P, H.

- **Lần thứ hai và lần thứ ba:** Tháng 5/2021, Lân vay của vợ chồng P, H số tiền 20.000.000 đồng và 10.000.000 đồng. Do khoản nợ gốc lần thứ nhất, anh Lân chưa trả nên tính gộp cả 03 khoản vay thành số tiền gốc là 130.000.000 đồng và tính mức lãi suất 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, tính lãi từ ngày 11/5/2021. Vợ chồng P, H đã thu tiền lãi đến ngày 08/8/2021 là 56.550.000 đồng (anh Lân trả cho vợ chồng P, H số tiền 58.500.000 đồng tiền lãi, còn thừa 1.950.000 đồng để trả lãi của lần sau); số tiền lãi theo quy định của pháp luật cho phép là 6.197.260 đồng; thu lợi bất chính từ khoản cho vay này là 50.352.740 đồng. Số tiền gốc anh L chưa trả cho P, H.

- **Lần thứ tư:** Ngày 09/8/2021, L vay của vợ chồng P, H số tiền 60.000.000 đồng. Do khoản nợ gốc 03 lần đầu, anh L chưa trả nên tính gộp cả 04 khoản vay thành số tiền gốc là 190.000.000 đồng và tính mức lãi suất 5.000 đồng /1 triệu/ 1 ngày, tính lãi từ ngày 09/8/2021. Vợ chồng P, H đã thu tiền lãi đến ngày 06/2/2022 là 168.150.000 đồng (anh L đã trả cho vợ chồng P, H 171.000.000 đồng tiền lãi, còn thừa 2.850.000 đồng để trả lãi của lần sau); số tiền lãi theo quy định của pháp luật cho phép là 18.427.397 đồng; thu lợi bất chính từ khoản cho vay này là 149.722.603 đồng. Số tiền gốc anh L chưa trả cho vợ chồng P, H.

- **Lần thứ năm:** Ngày 07/02/2022, Lân vay của vợ chồng H, P số tiền 10.000.000 đồng. Do khoản nợ gốc 04 lần trước, anh L chưa trả nên tính gộp cả 05 khoản vay thành số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tính mức lãi suất 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, tính lãi từ ngày 07/02/2022. Vợ chồng P, H đã thu tiền lãi đến ngày 06/9/2022 là 209.000.000 đồng (anh L trả cho vợ chồng P, H 206.000.000 đồng do trừ đi số tiền 4.800.000 đồng từ hai lần trước đã trả thừa tiền lãi, còn thừa 1.800.000 đồng anh L không yêu cầu trả lại); số tiền lãi theo quy định của pháp luật cho phép là 22.904.110 đồng; thu lợi bất chính từ khoản cho vay này là 186.095.890 đồng. Số tiền gốc anh L chưa trả cho vợ chồng P, H.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh L phải trả và đã trả cho vợ chồng P, H là 478.700.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 52.460.274 đồng, số tiền P, H thu lợi bất chính từ việc cho anh L vay tiền là 426.239.726 đồng.

Đối với anh Phạm Ngọc T:

- **Lần thứ nhất:** Ngày 29/3/2020, anh T vay của P, H số tiền 50.000.000 đồng, với mức lãi suất 4.000 đồng/ 1triệu/ 1ngày, hạn 10 ngày sau trả cả tiền lãi và gốc. P, H đã thu tiền lãi đến ngày 08/4/2020 là 2.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 273.973 đồng; thu lợi bất chính từ khoản cho vay này là 1.726.027 đồng. Số tiền gốc, anh T đã trả cho P, H.

- **Lần thứ hai:** Ngày 10/4/2020, anh T vay của P, H 50.000.000 đồng, với mức lãi suất 3.000 đồng/ 1triệu/ 1ngày, hạn 30 ngày sau trả tiền lãi và gốc. P, H đã thu tiền lãi đến ngày 10/5/2020 là 4.500.000 đồng; số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 821.918 đồng; thu lợi bất chính từ khoản cho vay này là 3.678.082 đồng. Số tiền gốc anh T đã trả cho P, H.

- **Lần thứ ba:** Ngày 11/7/2020, anh T vay của P, H 50.000.000 đồng, với mức lãi suất 3.000 đồng/ 1triệu/ 1ngày. P, H đã thu tiền lãi đến ngày 06/9/2020 là 8.700.000 đồng (anh T đã trả 8.500.000 đồng cho P, còn 200.000 đồng P cho T); số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.589.041 đồng; thu lợi bất chính từ khoản cho vay này là 7.110.959 đồng. Số tiền gốc anh T đã trả cho P, H.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh T phải trả là 15.200.000 đồng, đã trả cho P, H là 15.000.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 2.684.932 đồng, thu lợi bất chính từ việc cho anh T vay tiền là 12.515.068 đồng.

Đối với anh Nguyễn Đình C:

- **Lần thứ nhất:** Ngày 10/11/2021, anh C vay của P, H 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/ 1triệu/ 1ngày. Số tiền lãi theo thỏa thuận mà anh C phải trả cho P, H đến ngày 06/9/2022 là 14.800.000 đồng (anh C đã trả cho vợ chồng P, H 10.500.000 đồng tiền lãi, còn lại 4.300.000 đồng tiền lãi, anh C nợ P, H và không cộng vào gốc để tính lãi); số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.621.918 đồng; P, H thu lợi bất chính từ khoản cho vay này là 13.178.082 đồng. Số tiền gốc anh C chưa trả cho P, H.

- **Lần thứ hai:** Ngày 20/3/2022, anh C vay của P, H số tiền 20.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/ 1triệu/ 1ngày. Số tiền lãi theo thỏa thuận mà anh C phải trả cho P, H đến ngày 06/9/2022 là 16.600.000 đồng (anh C đã trả cho vợ chồng P, H 9.000.000 đồng tiền lãi, còn lại 7.600.000 đồng tiền lãi anh C nợ P, H và không cộng vào gốc để tính lãi); số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.819.178 đồng; P, H thu lợi bất chính từ khoản cho vay này là 14.780.822 đồng. Số tiền gốc anh C chưa trả cho P, H.

- **Lần thứ ba:** Ngày 26/4/2022, anh C vay của P, H số tiền 20.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/ 1triệu/ 1ngày. Số tiền lãi theo thoả thuận mà anh C phải trả cho P, H đến ngày 06/9/2022 là 13.000.000 đồng (anh C đã trả cho vợ chồng P, H 6.000.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi 7.000.000 đồng còn lại anh C nợ P, H và không cộng vào gốc để tính lãi); số tiền lãi theo quy định của pháp luật cho phép là 1.424.658 đồng; thu lợi bất chính từ khoản cho vay này là 11.575.342 đồng. Số tiền gốc anh C chưa trả cho P, H.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh C phải trả là 44.400.000 đồng, đã trả cho P, H là 25.500.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 4.865.753 đồng, số tiền P, H thu lợi bất chính từ việc cho anh C vay tiền là 39.534.247 đồng.

Đối với anh Nguyễn Văn L:

- **Lần thứ nhất:** Ngày 08/7/2021, anh L vay của P, H số tiền 23.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/ 1triệu/ 1ngày. P, H đã thu tiền lãi đến ngày 08/3/2022 là 27.600.000 đồng (anh L đã trả 27.500.000 đồng cho P, còn 100.000 đồng P cho L); số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 3.024.658 đồng; P, H thu lợi bất chính từ khoản cho vay này là 24.575.342 đồng. Số tiền gốc anh L đã trả cho P, H.

- **Lần thứ hai:** Ngày 10/5/2022, anh L vay của P, H số tiền 30.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/ 1triệu/ 1ngày. Tính đến ngày 06/9/2022, số tiền lãi mà anh L phải trả cho P, H là 17.400.000 đồng (anh L đã trả cho P 6.000.000 đồng, còn 11.400.000 đồng L nợ P và không cộng vào tiền gốc để tính lãi); số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.906.849 đồng; P, H thu lợi bất chính từ khoản cho vay này là 15.493.151 đồng. Số tiền gốc anh L chưa trả cho P, H.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh L phải trả là 45.000.000 đồng, đã trả cho P, H là 33.500.000 đồng. Số tiền lãi được phép thu theo quy định của pháp luật là 4.931.507 đồng, số tiền P, H thu lợi bất chính từ việc cho anh L vay tiền tính lãi là 40.068.493 đồng.

Đối với anh Lương Thế V:

Ngày 10/02/2021, anh V vay của P, H 25.000.000 đồng, với mức lãi suất 3.000 đồng/ 1triệu/ 1ngày. Vợ chồng P, H đã thu tiền lãi đến ngày 03/5/2021 là 6.225.000 đồng (anh V đã trả cho P 6.150.000 đồng, số tiền 75.000 đồng còn thiếu P cho V); số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.136.986 đồng; P, H thu lợi bất chính từ việc cho anh V vay tiền là 5.088.014 đồng. Số tiền gốc anh V đã trả cho P, H.

Đối với anh Đinh Văn X:

Ngày 06/01/2022, anh X vay của Ph, H 5.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/ 1triệu/ 1ngày. Tính đến ngày 06/9/2022 số tiền lãi suất theo thoả thuận anh X phải trả cho H, P là 6.000.000 đồng (do chưa có tiền trả lãi nên anh

X xin P, H cho nợ số tiền lãi không cộng vào gốc để tính lãi). Số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 657.534 đồng; P, H thu lợi bất chính từ việc cho anh X vay tiền là 5.342.466 đồng. Số tiền gốc anh X chưa trả cho P, H.

Khi bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Ninh Bình triệu tập, H và P khai nhận có cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao hơn quy định của pháp luật và giao nộp 02 chiếc điện thoại (01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu đen, số Imei1: 356717110842233, số Imei 2: 356717110250643, bên trong lắp 01 sim số thuê bao: 0988.557.771, trên thẻ sim có số seri: 8984048000383745465 của H; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng, số Imei1: 358612415512078, số Imei 2: 358612415649060, bên trong lắp 01 sim số thuê bao: 0338.957.259, trên thẻ sim có số seri: 89840480003335950830 và cài đặt 01 sim điện tử số thuê bao 0789.666.288 của P).

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền trong tài khoản ngân hàng Vietcombank của P là 681.924.912 đồng. Qua điều tra xác định 664.957.160 đồng trong tài khoản không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại cho P.

Các bị cáo đã trả lại số tiền lãi cho anh Nguyễn Đình L (408.500.000 đồng), anh Phạm Ngọc T (15.000.000 đồng), anh Lương Thế V (6.150.000 đồng) và Nguyễn Văn L (33.500.000 đồng) và mỗi bị cáo tự nguyện nộp trước tiền thi hành án là 10.000.000 đồng.

02 chiếc điện thoại và 36.967.752 đồng thu của các bị cáo (gồm 16.967.752 đồng thu trong tài khoản của P, 20.000.000 đồng do H và P tự nguyện nộp) được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện H quản lý

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKSHL ngày 17/01/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư truy tố các bị cáo về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự (BLHS). Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 của BLHS, xử phạt mỗi bị cáo từ 350 triệu đồng đến 400 triệu đồng. Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự (BLTTHS), điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS, tịch thu sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động; buộc các bị cáo phải nộp lại ngân sách nhà nước đối với số tiền gốc, số tiền lãi trong mức quy định mà các bị cáo đã nhận từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền của cả hai bị cáo là 255.326.027 đồng (gồm số tiền gốc là 198.000.000 đồng và số tiền lãi là 57.326.027 đồng) theo phần bằng nhau với mỗi bị cáo là 127.663.014 đồng. Buộc các bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho anh C là 20.634.247 đồng, anh L là 17.739.726 đồng theo phần bằng nhau, mỗi bị cáo phải trả cho anh C là 10.317.123 đồng, trả cho anh L là 8.869.863 đồng. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay và số tiền lãi trong mức quy định (20%) mà các bị cáo đã trả lại cho người vay, cụ thể: anh Lân phải nộp lại số tiền gốc là 200.000.000 đồng, anh Tới phải nộp lại số tiền lãi là 2.684.932 đồng, anh Chương phải nộp lại số tiền gốc 50.000.000 đồng, anh Linh phải nộp lại số tiền là 34.931.507 đồng (gồm tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi là 4.931.507 đồng), anh Vinh phải nộp lại số tiền lãi là 1.136.986 đồng, anh Xùng phải nộp lại số tiền gốc 5.000.000 đồng. Tiếp tục quản lý số tiền 36.967.752 đồng đã thu của các bị cáo để đảm bảo thi hành án. Áp dụng Điều 136 của BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện các hành vi nêu trên, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Từ đầu năm 2020 đến ngày 06/9/2022, vợ chồng bị cáo H và P đã cho anh Lân, anh Tới, anh Chương, anh Vinh, anh Xùng vay tiền với lãi suất cao từ 109,5 %/năm đến 182,5 %/năm (gấp 5,48 đến 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự) và đã thu lợi bất chính với tổng số tiền là 528.788.014 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2, 3 Điều 201 BLHS.

“Điều 201- Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm;

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong các lần cho vay, có 04 lần vợ chồng P, H thu lợi bất chính từ 30 triệu đồng trở lên nên cần xác định các bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Các bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; trả lại số tiền lãi đã nhận cho anh Lân, anh Tới, anh Linh, anh Vinh; tự nguyện nộp trước một phần số tiền phải thi hành án (mỗi bị cáo nộp 10.000.000 đồng). Do đó, cần xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51 của BLHS. Bị cáo H trước đây đã bị Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư và Công an huyện Hoa Lư xử phạt, mặc dù đã được xóa án tích nhưng cần xác định bị cáo H có nhân thân xấu.

[3] Về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được việc cho người khác vay tiền với mức lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/ 1triệu/ 1ngày là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về tài chính, ngân hàng và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương, thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo.

Trong vụ án, bị cáo P là người khởi xướng việc cho vay lãi nặng, là người giao dịch chính, trực tiếp với người vay và dùng tài khoản ngân hàng của mình để thanh toán tiền vay. Bị cáo H thông báo cho P khi có người hỏi vay tiền hoặc trả tiền vay, đôn đốc người vay khi chậm trả nợ nên cần xác định bị cáo P có vai trò cao hơn bị cáo H.

[4] Về hình phạt đối với các bị cáo: Căn cứ vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, căn cứ nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, cần buộc các bị cáo phải chịu mức hình phạt bằng nhau. Xét thấy các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, có nơi cư trú rõ ràng, có nghề nghiệp, công ăn việc làm ổn định, con cái còn nhỏ nên không cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mà chỉ cần buộc các bị cáo phải chịu mức hình phạt tiền nghiêm khắc cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo. Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không cần áp dụng hình phạt tiền bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 201 của BLHS đối với các bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: 02 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Số tiền gốc (483.000.000 đồng) các bị cáo dùng để cho vay là phương tiện dùng vào việc phạm tội và số tiền lãi (66.079.452 đồng) tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà các bị cáo đã thu của người

vay (66.736.986 đồng - 657.534 đồng) là số tiền phát sinh từ tội phạm nên cần truy thu để vào ngân sách nhà nước. Trong đó, các bị cáo phải nộp lại ngân sách nhà nước tổng số tiền là 255.326.027 đồng (gồm số tiền gốc mà người vay đã trả là 198.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20% mà các bị cáo đã thu của anh Chương là 4.865.753 đồng, đã thu của anh Lân là 52.460.274 đồng). Số tiền gốc và số tiền lãi các bị cáo cùng sử dụng chung nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm theo phần bằng nhau, tương ứng với mỗi bị cáo là 127.663.014 đồng. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp lại ngân sách nhà nước số tiền gốc chưa trả cho các bị cáo và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20% mà các bị cáo đã thu sau đó đã trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể: anh Lân phải nộp lại số tiền gốc là 200.000.000 đồng, anh Tới phải nộp lại số tiền lãi là 2.684.932 đồng, anh Chương phải nộp lại số tiền gốc 50.000.000 đồng, anh Linh phải nộp lại số tiền là 34.931.507 đồng (gồm tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi là 4.931.507 đồng), anh Vinh phải nộp lại số tiền lãi là 1.136.986 đồng, anh Xùng phải nộp lại số tiền gốc 5.000.000 đồng.

Số tiền lãi vượt quá 20% của khoản vay mà các bị cáo đã thu thực tế của người vay là tiền do phạm tội mà có nên cần buộc các bị cáo phải trả lại cho người vay. Quá trình điều tra, các bị cáo đã trả lại số tiền lãi đã nhận cho anh Lân, anh Tới, anh Vinh và anh Linh. Những người này xác nhận đã được các bị cáo trả lại đủ số tiền lãi trước đây họ đã trả cho các bị cáo nên trong bản án này không buộc các bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho anh Lân, anh Tới, anh Vinh và anh Linh. Tuy nhiên, số tiền lãi thực tế mà anh Lân đã trả cho các bị cáo (480.500.000 đồng) và số tiền lãi các bị cáo trả lại cho anh Lân (408.500.000 đồng) có sự chênh lệch. Tại phiên tòa, anh Lân vắng mặt nên không có ý kiến đối với số tiền chênh lệch. Do vậy, anh Lân có quyền khởi kiện đối với các bị cáo bằng một vụ án dân sự khác về số tiền chênh lệch này. Các bị cáo còn phải trả lại số tiền thu lợi bất chính đã thu cho anh Chương là 20.634.247 đồng, anh Lân là 17.739.726 đồng và phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Số tiền 36.967.752 đồng thu giữ của các bị cáo cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hoa Lư, điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[8] Các vấn đề khác: Dương Văn H còn cho anh Nguyễn Văn Tiến, sinh năm 1982, nơi cư trú tại thôn Phú Lăng, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư vay tiền với lãi suất thoả thuận là 2.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày tương ứng với 72 %/năm, chưa vượt quá 05 lần lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên không xem xét xử lý hình sự đối với Dương Văn H và Đinh Thị P đối với khoản tiền vay này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn H, Đinh Thị P phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Thị P và bị cáo Dương Văn H

Xử phạt bị cáo Đinh Thị P 350.000.000 *(ba trăm năm mươi triệu)* đồng

Xử phạt bị cáo Dương Văn H 350.000.000 *(ba trăm năm mươi triệu)* đồng

2. Biện pháp tư pháp:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS, điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax của Dương Văn H, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax của Đinh Thị P;

- Truy thu của các bị cáo để nộp vào ngân sách nhà nước số tiền là 255.326.027 đồng (gồm số tiền gốc là 198.000.000 đồng và số tiền lãi là 57.326.027 đồng), theo phần mỗi bị cáo là 127.663.014 *(một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn)* đồng.

- Buộc các bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho anh Chương là 20.634.247 đồng và anh Lân là 17.739.726 đồng, theo phần mỗi bị cáo phải trả cho anh Chương là 10.317.123 *(mười triệu ba trăm mười bảy nghìn một trăm hai mươi ba)* đồng, phải trả cho anh Lân là 8.869.863 *(tám triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

Anh Nguyễn Đình Lân phải nộp lại số tiền gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng;

Anh Phạm Ngọc Tới phải nộp lại số tiền lãi là 2.684.932 (hai triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai) đồng;

Anh Nguyễn Đình Chương phải nộp lại số tiền gốc 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng;

Anh Nguyễn Văn Linh phải nộp lại số tiền là 34.931.507 (ba mươi tư triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm linh bảy) đồng (gồm tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi là 4.931.507 đồng);

Anh Lương Thế Vinh phải nộp lại số tiền lãi là 1.136.986 (một triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu) đồng;

Anh Đinh Văn Xùng phải nộp lại số tiền gốc 5.000.000 (năm triệu) đồng.

- Tiếp tục quản lý số tiền 36.967.752 (ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi hai) đồng đã thu của Dương Văn H và Đinh Thị P gồm 16.967.752 đồng thu trong tài khoản của bị cáo P và mỗi bị cáo nộp 10.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

(Những chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo, số tiền 36.967.752 đồng do các bị cáo nộp nêu trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/01/2023, Ủy nhiệm chỉ ngày 18/01/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoa Lư và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư và Biên lai thu tiền số AA/2021/0001106 ngày 22/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư)

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Vũ Thị Kim Oanh